

Số: 516 /QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày 13 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Chương trình thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Ninh Thuận
giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Kết luận số 81-KL/TW, ngày 04 tháng 6 năm 2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1055/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án về những nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu;

Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 05 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch hành động giảm phát thải khí mê-tan đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1319/QĐ-TTg, ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIV về chương trình thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Chương trình về chương trình thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 4103/TTr-STNMT ngày 29 tháng 8 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đơn vị thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

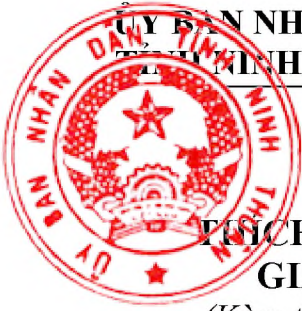
Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Cục Biến đổi khí hậu-Bộ TNMT;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- VPUB: LĐ, VXNV, KTTH;
- Lưu: VT. LXH

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH




Lê Huyền



**CHƯƠNG TRÌNH
KẾ HOẠCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TỈNH NINH THUẬN
GIAI ĐOẠN 2021 – 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

*(Kèm theo Quyết định số 516 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)*

Phần I

SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH CHƯƠNG TRÌNH

Biến đổi khí hậu (viết tắt là BĐKH) đã trở thành xu thế không thể đảo ngược, thách thức lớn nhất đối với nhân loại, đã và đang tác động đến mọi mặt: kinh tế, chính trị, ngoại giao, an ninh toàn cầu. Mỗi quốc gia phải chủ động thích ứng nhằm hạn chế các tác động tiêu cực, đồng thời có trách nhiệm giảm phát thải khí nhà kính (viết tắt là KNK) theo Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) thực hiện Thỏa thuận Paris về BĐKH kể từ năm 2021 trở đi nhằm giữ cho mức tăng nhiệt độ toàn cầu ở ngưỡng $1,5^{\circ}\text{C}$ vào cuối thế kỷ này. Việt Nam là một trong những quốc gia bị ảnh hưởng nặng nề nhất bởi BĐKH và xu thế biến đổi của các biến khí hậu trong thế kỷ 21 có xu thế tăng^[1], là nguy cơ hiện hữu đối với mục tiêu xóa đói giảm nghèo, mục tiêu thiên niên kỷ và sự phát triển bền vững của đất nước.

Đối với Ninh Thuận, do đặc thù về vị trí địa lý và địa hình, Ninh Thuận là tỉnh thường xuyên chịu ảnh hưởng của BĐKH; từ số liệu quan trắc thực tế cho thấy, xu thế BĐKH tại Ninh Thuận trong 30 năm qua diễn biến nhanh chóng, đó là: nhiệt độ trung bình năm có xu thế tăng $0,03^{\circ}\text{C}$ /thập kỷ, lượng mưa năm có xu thế tăng 38 mm/thập kỷ, mực nước biển trung bình có xu thế tăng khoảng 5,1 mm/năm và tiếp tục xu hướng tăng theo cả hai kịch bản RCP4.5 và RCP8.5^[2], theo đó tổn thất, thiệt hại sẽ tiếp tục gia tăng. Trong thời gian qua, BĐKH và

^[1] Tính trung bình trên phạm vi cả nước, xu thế nhiệt độ tăng với mức tăng trung bình $0,89^{\circ}\text{C}$ giai đoạn 1958-2018; lượng mưa có xu thế tăng nhẹ 2,1% trong giai đoạn 1958-2018. Theo kịch bản BĐKH phiên bản năm 2020, nhiệt độ, lượng mưa trung bình năm có xu hướng tăng trên phạm vi cả nước theo cả hai kịch bản RCP4.5 và RCP8.5; mực nước biển dâng trung bình cho toàn khu vực Biển Đông theo kịch bản RCP4.5 là 24 cm (16 cm - 32 cm) và theo RCP8.5 là 28 cm (20 cm - 37 cm). Đến năm 2100, mực nước biển dâng trung bình cho toàn khu vực Biển Đông theo kịch bản RCP4.5 là 56 cm (38 cm - 78 cm) và theo RCP8.5 là 77 cm (51 cm - 106 cm); khu vực giữa Biển Đông (bao gồm quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa) có mực nước biển dâng cao hơn so với các khu vực khác.

^[2] Theo kịch bản BĐKH phiên bản năm 2020: Giai đoạn đầu thế kỷ (trung bình thời kỳ 2016-2035), xu thế biến đổi của các biến khí hậu có xu thế tăng/giảm không có sự khác biệt nhiều so với bản cập nhật kịch bản công bố năm 2016, nhưng giai đoạn giữa thế kỷ (2046-2065) và cuối thế kỷ (2080-2099) thì: mức biến đổi trung bình nhiệt độ năm theo kịch bản RCP4.5 tăng $1,2^{\circ}\text{C}$ ($0,9-1,9^{\circ}\text{C}$) cho giai đoạn từ năm 2046 - 2056, tăng $1,6^{\circ}\text{C}$ ($1,1-2,4^{\circ}\text{C}$) cho giai đoạn từ năm 2060 - 2099 và theo kịch bản RCP8.5 tăng $1,7^{\circ}\text{C}$ ($1,2-2,5^{\circ}\text{C}$) cho giai đoạn từ năm 2046 - 2056, tăng $3,1^{\circ}\text{C}$ ($2,5-4,0^{\circ}\text{C}$) cho giai đoạn từ năm 2060 - 2099; mức biến đổi trung bình lượng mưa năm theo kịch bản RCP4.5 tăng 16,6% ($-1,7-32,1\%$) cho giai đoạn từ năm 2046 - 2056, tăng 20% ($6,8-34,3\%$) cho giai đoạn từ năm 2060 - 2099 và theo kịch bản RCP8.5 tăng $18,9^{\circ}\text{C}$ ($6,2-30,7\%$) cho giai đoạn từ năm 2046 - 2056, tăng 24,48 ($7,2-41,9\%$) cho giai đoạn từ năm 2060 - 2099; nguy cơ ngập vì nước biển dâng do BĐKH đối với tỉnh Ninh Thuận: mực nước biển dâng 10cm, tỷ lệ ngập là 0,15% diện tích tỉnh (10cm/0,15%), tương tự: 20cm/0,16%, 30cm/0,17%, 40cm/0,18%, 50m/0,20%, 60cm/0,24%, 70cm/0,27%, 80cm/0,3%, 90cm/0,33, 100cm/0,37%.

thời tiết cực đoan bởi hiện tượng El Nino và La Nina dẫn đến hiện tượng nắng nóng, hạn hán kéo dài^[3], mưa bất thường, kéo theo lũ lụt, sạt lở đất đã tác động xấu đến số lượng và chất lượng nguồn nước, làm suy giảm nguồn nước, gây xâm nhập mặn, đồng thời mưa lớn kết hợp với nhiệt độ tăng cao làm tăng nguy cơ sạt lở đất,..., đã, đang tác động mạnh đến đời sống, sản xuất, là áp lực lớn đối với người dân và các cấp chính quyền, đòi hỏi cần có hành động gấp rút để kịp thời ứng phó, giảm nhẹ thiệt hại, tăng cường quản lý nhà nước về BĐKH. Bên cạnh những nguy cơ, thách thức, có thể tận dụng cơ hội từ ứng phó BĐKH để chuyển dịch mô hình tăng trưởng, nâng cao sức chống chịu và cạnh tranh của nền kinh tế.

Thời gian qua, Tỉnh đã phát huy sức mạnh từ nội lực và được sự quan tâm hỗ trợ của Trung ương và các nhà tài trợ quốc tế, tỉnh đã có những bước phát triển trên tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế-xã hội (viết tắt là KT-XH); cơ cấu kinh tế được chuyển dịch theo hướng tích cực, kết cấu hạ tầng KT-XH và đời sống Nhân dân ngày càng được cải thiện, tuy vậy, những cố gắng nói trên là chưa đủ để đảm bảo thích ứng có hiệu quả với những tác động trước mắt và lâu dài của BĐKH. Nhận thức đúng, đầy đủ về ý nghĩa, tầm quan trọng của thích ứng với BĐKH trong quản lý nhà nước, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành các nghị quyết về Chương trình thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến 2050. Việc Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng và ban hành “Chương trình thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến 2050” nhằm cụ thể hóa Nghị quyết của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh để tổ chức thực hiện là rất cần thiết.

II. CƠ SỞ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Văn bản do Trung ương ban hành

Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Kết luận số 81-KL/TW, ngày 04/6/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường;

Các Quyết định, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ: 1055/QĐ-TTg ngày 20/7/2020 về việc ban hành Kế hoạch quốc gia thích ứng với BĐKH giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; 888/QĐ-TTg ngày 25/7/2022 phê duyệt Đề án về những nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về BĐKH; 896/QĐ-TTg ngày 26/7/2022 phê duyệt Chiến lược quốc gia về BĐKH giai đoạn đến năm 2050; 942/QĐ-TTg ngày 05/8/2022 về việc phê duyệt Kế hoạch hành động giảm phát thải khí mê-tan đến năm 2030; 1319/QĐ-TTg, ngày 10/11/2023 về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

^[3] Như mùa khô năm 2004-2005 và từ năm 2014 đến 2016 xảy ra trận hạn lịch sử, lượng mưa chỉ đạt 50-75% so với trung bình nhiều năm, tổng dung tích tại 21 hồ chứa nước trên địa bàn chỉ đạt 9,5 – 13,5% dung tích thiết kế, nhiều hồ chứa trong tình trạng hết mùa mưa là hết nước (Công văn số 1339/SNNPTNT-QLXDCT ngày 14/5/2020); số ngày nắng nóng trong mùa khô cũng tăng bất thường (trên 80 ngày), các sông, suối nhỏ đã bị tắt dòng ngay từ giữa tháng 01, tình trạng khô hạn, thiếu nước sản xuất và sinh hoạt gay gắt diễn ra trên diện rộng; nhiều diện tích đất dễ hoang hóa, rừng trồng, gia súc bị chết do thiếu nước.

13/CT-TTg ngày 02/5/2024 về tăng cường công tác quản lý tín chỉ các-bon nhằm thực hiện Đóng góp do quốc gia tự quyết định.

2. Văn bản do tỉnh Ninh Thuận ban hành

Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 30/12/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIV về chương trình thích ứng với BĐKH giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Chương trình về chương trình thích ứng với BĐKH tỉnh Ninh thuận giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh số: 373/QĐ-UBND ngày 28/7/2021 Phê duyệt Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ “Xây dựng, cập nhật kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050” và ban hành Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến 2050; 339/QĐ-UBND ngày 26/02/2021 và 928/QĐ-UBND ngày 11/7/2023 về việc ban hành Kế hoạch phòng, chống thiên tai giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh.

Phần II

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU GIAI ĐOẠN 2021 – 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

I. QUAN ĐIỂM

Thích ứng với BĐKH, phòng, chống thiên tai có vị trí quan trọng trong các quyết định phát triển; là trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, các ngành, các doanh nghiệp và toàn thể cộng đồng. Các hoạt động thích ứng với BĐKH phải được tiên hành có trọng tâm, trọng điểm.

Thích ứng với BĐKH phải gắn với phát triển bền vững, tăng cường khả năng chống chịu của hệ thống tự nhiên-xã hội và tận dụng các cơ hội do BĐKH mang lại; đầu tư cho thích ứng với BĐKH phải có hiệu quả về kinh tế, xã hội và môi trường, phù hợp với yêu cầu trước mắt và những tác động tiềm ẩn lâu dài.

Nội dung thích ứng với BĐKH phải được lồng ghép trong các chính sách, hệ thống chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển KT-XH có liên quan của tỉnh; đồng thời, phải có các chương trình riêng để triển khai thực hiện, nhất là chương trình phát triển hệ thống thủy lợi đồng bộ, hiện đại và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên nước. Bảo đảm hài hòa lợi ích, tạo động lực khuyến khích các bên liên quan tích cực tham gia công tác ứng phó với BĐKH, quản lý, khai thác, sử dụng có hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường (viết tắt là BVMT).

Sống chung với hạn hán, nâng cao năng lực thích ứng, giảm thiểu tối đa rủi ro mưa lũ và ứng phó có hiệu quả với tình trạng nước biển dâng, xâm nhập mặn.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Chương trình thích ứng với BĐKH nhằm giảm thiểu tính dễ bị tổn thương và rủi ro trước những tác động tiêu cực của BĐKH thông qua nâng cao khả năng chống chịu và năng lực thích ứng của cộng đồng, các thành phần kinh tế và hệ sinh thái, giảm thiểu tổn thất và thiệt hại do BĐKH và tận dụng cơ hội do BĐKH mang lại để chuyển dịch mô hình tăng trưởng, nâng cao sức chống chịu và cạnh tranh của nền kinh tế; thúc đẩy việc lồng ghép thích ứng với BĐKH vào hệ thống chiến lược, quy hoạch, hướng tới nền kinh tế xanh, thân thiện với môi trường, thích ứng an toàn, thông minh với BĐKH,

2. Mục tiêu cụ thể từng giai đoạn

a) Giai đoạn 2021-2030

Giảm thiểu tính dễ bị tổn thương và rủi ro thông qua việc tăng cường công tác quản lý nhà nước về BĐKH; tập trung xây dựng, hoàn thiện, triển khai hiệu quả cơ chế, chính sách về thích ứng với BĐKH. Phát huy tiềm năng và nguồn lực nhằm thích ứng hiệu quả với BĐKH; đầu tư cơ sở hạ tầng phù hợp, đảm bảo Ninh Thuận chuyển hướng mạnh tới nền kinh tế thích ứng, xanh, an toàn, bền vững; nâng cao hiệu quả thích ứng với BĐKH thông qua việc tăng cường quản lý nhà nước về BĐKH; thúc đẩy lồng ghép thích ứng BĐKH vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội của từng địa phương trong tỉnh; tích cực đóng góp có trách nhiệm cùng với cả nước nỗ lực đạt mục tiêu phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050 để bảo vệ hệ thống khí hậu trái đất.

Kiểm soát được tình trạng suy thoái tài nguyên nước, đất đai, rừng, đa dạng sinh học; đảm bảo cân đối đủ nguồn nước phục vụ cho sinh hoạt, công nghiệp, dịch vụ và các ngành kinh tế quan trọng; giữ vững độ che phủ rừng ổn định, nâng cao chất lượng rừng và quản lý rừng bền vững. Cơ cấu cây trồng, vật nuôi được chuyển đổi theo hướng thích ứng thông minh với BĐKH; phát triển chuỗi giá trị nông, lâm, thủy sản bền vững; bảo đảm an ninh lương thực và cân bằng dinh dưỡng quốc gia.

Các công trình hạ tầng trọng yếu thích ứng với BĐKH được hoàn thành với các tiêu chuẩn an toàn trước thiên tai, đặc biệt là các công trình phòng chống thiên tai, ngăn triều cường, xâm nhập mặn, công trình trữ nước ngọt phục vụ sinh hoạt và sản xuất, chống ngập úng ở các đô thị lớn; đáp ứng nhu cầu về phòng chống dịch, bệnh và các bệnh mới phát sinh do biến đổi khí hậu.

Trình độ khoa học và công nghệ dự báo khí tượng thủy văn, cảnh báo sớm thiên tai được đầu tư hiện đại; năng lực giám sát BĐKH, quản lý rủi ro thiên tai kịp thời, chính xác, hiệu quả; đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ khí hậu cơ bản.

b) Giai đoạn sau năm 2030 đến năm 2050:

Phát huy kết quả đạt được của giai đoạn 2021-2030; tiếp tục nâng cao khả năng chống chịu và năng lực thích ứng của hệ thống tự nhiên, kinh tế và xã hội, bảo đảm sinh kế bền vững; nâng cao năng lực và nhận thức để sẵn sàng điều

chính trước những thay đổi của khí hậu; giảm nhẹ rủi ro thiên tai, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai và khí hậu cực đoan gia tăng, góp phần giảm thiểu tổn thất và thiệt hại do BĐKH.

Thực hiện lồng ghép thích ứng với BĐKH trong tất cả các hoạt động KT-XH của tỉnh; quản lý hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, cải thiện chất lượng môi trường phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; tận dụng các cơ hội từ BĐKH để Ninh Thuận có nền kinh tế thích ứng và chuyển hướng mạnh sang nền kinh tế xanh, an toàn, bền vững. Chú trọng đầu tư cơ sở hạ tầng và triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách, nhằm bảo vệ, nâng cao chất lượng cuộc sống, bảo đảm an ninh lương thực, an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, an ninh sinh thái, an sinh xã hội, sức khỏe cộng đồng, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, phát triển bền vững tỉnh trong bối cảnh BĐKH và an toàn trước thiên tai, đảm bảo mọi người dân được an toàn trước thiên tai và các rủi ro khí hậu.

3. Một số chỉ tiêu đến năm 2030

- *Nâng cao nhận thức về BĐKH, phòng tránh thiên tai:* 100% cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp và người dân hiểu biết cơ bản về BĐKH, phòng tránh thiên tai; 100% các trường học, cơ sở đào tạo trên địa bàn tỉnh được phổ biến kiến thức về BĐKH, phòng tránh thiên tai.

- *Xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách:* Ban hành đầy đủ các văn bản về cơ chế, chính sách huy động nguồn lực, khuyến khích, thu hút sự tham gia đầu tư của các thành phần kinh tế cho các hoạt động thích ứng với BĐKH phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh.

- *Nâng cao hiệu quả quản lý tài nguyên, bảo tồn đa dạng sinh học:* Hoàn thành công tác khoanh định vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; 100% các hồ chứa và công trình khai thác, xả nước thải vào nguồn nước được cấp phép phải có hệ thống quan trắc, giám sát tự động, trực tuyến; thiết lập hệ thống quan trắc, giám sát tự động, trực tuyến môi trường nước sông Cái; tiếp tục duy trì nguồn nước sông Cái đạt quy chuẩn chất lượng nước mặt loại A. Nâng tỷ lệ che phủ rừng trên 49%; diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên trên cạn đạt 12,96% diện tích đất liền tự nhiên tỉnh trở lên, diện tích vùng biển và ven biển được bảo tồn đạt ít nhất 6,3% diện tích tự nhiên vùng biển của tỉnh; phân đấu tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị đạt 100%, nông thôn đạt 95%; tăng diện tích tưới chủ động nước trên 70%.

- *Phát triển hệ thống quan trắc, giám sát KTTV:* Từng bước hiện đại hóa hệ thống quan trắc, giám sát KTTV, đảm bảo 100% mạng lưới quan trắc KTTV chuyên dùng do tỉnh đầu tư được lắp đặt thiết bị cảnh báo, quan trắc, giám sát tự động, trực tuyến.

- *Giảm phát thải khí nhà kính:* Các cơ sở có mức phát thải KNK hằng năm từ 2.000 tấn CO₂tđ trở lên phải thực hiện giảm phát thải KNK; 100% cơ sở phát thải khí nhà kính thuộc danh mục phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính (do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt) phải xây dựng, thực hiện kế hoạch giảm nhẹ

phát thải khí nhà kính hàng năm theo quy định; khuyến khích sử dụng điện, năng lượng xanh trong giao thông vận tải, sử dụng 100% xăng E5;

- *Nâng cao hiệu quả công trình giảm nhẹ rủi ro thiên tai, thích ứng với BĐKH*: Phân đầu thực hiện đạt 100% các nhiệm vụ, dự án ưu tiên theo kế hoạch; có ít nhất 01 trường/xã, phường được đánh giá là trường học an toàn; 65% trường học trên địa bàn tỉnh là nơi sơ tán và trú ẩn an toàn cho cộng đồng dân cư khi xảy ra thiên tai, dịch bệnh; trên 95% dân số được cung cấp nước sạch, nước hợp vệ sinh, trong đó ít nhất 80% dân số được sử dụng nước sạch đạt chuẩn; đáp ứng nhu cầu về phòng chống dịch, bệnh và các bệnh mới phát sinh do BĐKH; 80% số hộ dân thuộc khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai có nhà ở an toàn; hoàn thành di dời ít nhất 70% các hộ dân sinh sống ở nơi có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất đến nơi an toàn; đối với khu vực chưa thể di dời được lắp đặt hệ thống theo dõi, giám sát, cảnh báo để kịp thời sơ tán, giảm thiểu rủi ro khi xảy ra thiên tai; 100% các khu vực ngầm tràn được giám sát và cảnh báo độ sâu nước ngập.

- *Bảo đảm an sinh xã hội và bình đẳng giới*: xây dựng ít nhất 01 mô hình sinh kế bền vững thích ứng BĐKH dựa vào tự nhiên, vào hệ sinh thái, vào cộng đồng/địa bàn huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh;

- *Nghiên cứu, ứng dụng khoa học – công nghệ*: Hàng năm, triển khai thực hiện ít nhất từ 1 đến 2 đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng KHCN về thích ứng với BĐKH, phòng tránh, giảm thiểu rủi ro thiên tai.

- Đưa chỉ tiêu sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và chỉ tiêu giảm nhẹ phát thải và hấp thu khí nhà kính vào nhóm chỉ tiêu phát triển KT-XH hàng năm của tỉnh.

III. NHIỆM VỤ

1. Nhiệm vụ chung

a) Xây dựng và phát triển năng lực giám sát, cảnh báo khí hậu, thiên tai:

- Tiếp tục đầu tư cải tạo, nâng cấp hệ thống quan trắc, giám sát, cảnh báo, dự báo khí tượng thủy văn, thiên tai và năng lực truyền tin về thiên tai, thời tiết, khí hậu cực đoan theo hướng hiện đại, có độ chính xác cao; phối hợp quản lý, khai thác, sử dụng có hiệu quả các thiết bị quan trắc tự động tại các trạm khí tượng thủy văn, hải văn và trạm đo mưa của quốc gia trên địa bàn tỉnh; nâng cao năng lực truyền tin thiên tai kết hợp với hệ thống cơ sở hạ tầng về thông tin, truyền thông quốc gia bảo đảm truyền, phát thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời phục vụ phòng chống thiên tai hiệu quả.

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về khí tượng thủy văn và BĐKH của tỉnh bảo đảm tính thống nhất, phục vụ có hiệu quả công tác quản lý nhà nước về khí tượng thủy văn và thích ứng với BĐKH trên địa bàn tỉnh. Phát triển hạ tầng ngành thông tin, truyền thông thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Ứng dụng các công nghệ dự báo tiên tiến, hiện đại; ưu tiên phát triển công nghệ dự báo mưa định lượng, cảnh báo lũ quét, sạt lở đất, cảnh báo đa

thiên tai, dự báo dựa trên tác động nhằm dự báo, cảnh báo sớm thiên tai và phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai; triển khai các sản phẩm dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn truyền tải đa dạng trên nền tảng công nghệ số.

b) Chủ động ứng phó, giảm nhẹ rủi ro thiên tai

- Thúc đẩy và đánh giá lồng ghép thích ứng với BĐKH với giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào trong các chiến lược, đồ án quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết trên địa bàn tỉnh. Tăng cường các biện pháp bảo đảm an toàn cho người dân, đặc biệt cho đối tượng dễ bị tổn thương tại các vùng thường xuyên chịu tác động của khí hậu cực đoan, thiên tai.

- Xây dựng, nâng cấp và sửa chữa hệ thống đê kè, công trình phòng, chống thiên tai, hồ đập, trạm bơm, chú trọng việc hiện đại hóa và hình thành hệ thống thủy lợi thông minh,... phục vụ công tác phòng, chống thiên tai; đẩy nhanh tiến độ và bảo đảm chất lượng xây dựng các dự án, công trình trọng điểm về phòng, chống thiên tai, sạt lở để ứng phó với các hiểm họa do BĐKH.

- Xác định rõ các khu vực có nguy cơ cao chịu ảnh hưởng của hạn hán, xâm nhập mặn, bão, lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất, đặc biệt lưu ý khu vực có người dân đang sinh sống, sản xuất; tăng cường các biện pháp bảo đảm an toàn cho người dân, đặc biệt cho đối tượng dễ bị tổn thương tại các vùng thường xuyên chịu tác động của khí hậu cực đoan, thiên tai. Triển khai có hiệu quả các kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện công tác phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh^[4]. Phát triển các hệ thống quan trắc, giám sát thiên tai chuyên dùng phục vụ phòng chống bão, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất, sạt lở bờ sông, bờ biển, bảo đảm an toàn vận hành hồ chứa.

- Tăng cường năng lực, biện pháp thúc đẩy giảm nhẹ rủi ro thiên tai, chú trọng giải pháp quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng, phát huy tri thức địa phương trong phòng, chống thiên tai nhằm giảm thiểu khả năng dễ bị tổn thương và tăng mức độ sẵn sàng ứng phó với các hiện tượng thời tiết, khí hậu cực đoan; xây dựng nhà an toàn phòng chống thiên tai gắn với xây dựng nông thôn mới; xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp với sơ tán nhằm bảo đảm an toàn cho người dân; đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án di dời các hộ dân tại các khu vực xung yếu, tập trung sơ tán trước đối với các hộ dân đang sinh sống trong khu vực có nguy cơ ảnh hưởng của thiên tai đã được cảnh báo.

- Phát triển các mô hình an sinh xã hội, chuyển đổi công bằng, phù hợp với điều kiện tự nhiên, sinh thái, xã hội ở các vùng, khu vực trên địa bàn tỉnh; thực hiện các mô hình sinh kế bền vững, chú trọng đào tạo, chuyển đổi nghề và hỗ trợ công nghệ, tiếp cận các nguồn vốn cho người dân ở những vùng chịu nhiều rủi ro, dễ bị tổn thương trước tác động của BĐKH tại các huyện, thành phố của tỉnh.

^[4] Kế hoạch số 3478/KH-UBND ngày 15/8/2018 triển khai Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Kế hoạch số 1924/KH-UBND ngày 10/5/2019 Ứng phó thiên tai dựa vào cộng đồng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Kế hoạch số 4543/KH-UBND ngày 30/8/2021 Triển khai thực hiện Chiến lược Quốc gia phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; 339/QĐ-UBND ngày 26/02/2021 và 928/QĐ-UBND ngày 11/7/2023 về việc ban hành Kế hoạch phòng chống thiên tai giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

- Xây dựng hướng dẫn lồng ghép bình đẳng giới, tăng cường vai trò, năng lực và sự tham gia của phụ nữ, thanh thiếu niên trong thực hiện chính sách và tham gia các chương trình, hoạt động phòng chống thiên tai, thích ứng BĐKH và quản lý rủi ro thiên tai; phát triển, đào tạo kỹ năng mềm cho lao động nữ, thanh niên tham gia các ngành kinh tế mới theo hướng thích ứng với BĐKH; đẩy mạnh các phong trào, hoạt động nâng cao nhận thức, kiến thức cho thanh thiếu niên về BĐKH và các giải pháp trong phòng, chống thiên tai, thích ứng với BĐKH.

- Xây dựng bản đồ cảnh báo thiên tai và bản đồ phân vùng rủi ro thiên tai đối với một số loại hình thiên tai thường xảy ra như bão, lũ, ngập lụt, lũ quét,... và các biện pháp phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai. Cập nhật, xây dựng kịch bản BĐKH tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021 - 2030 theo quy định, hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương, đồng thời hàng năm có rà soát, bổ sung phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh.

c) Thực hiện hiệu quả khả năng chống chịu và nâng cao năng lực thích ứng của cộng đồng, các thành phần kinh tế và hệ sinh thái trước BĐKH:

- Tăng cường quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên nước; nâng cao khả năng trữ nước và hiệu quả sử dụng nước trong điều kiện BĐKH. Khai thác hợp lý diện tích đất chưa sử dụng, đất bãi bồi ven sông, ven biển cho phát triển rừng, phát triển cây xanh ở đô thị và khu công nghiệp.

- Nâng cao khả năng chống chịu và năng lực thích ứng với BĐKH của các ngành, địa phương; tiếp tục triển khai, nhân rộng các mô hình sản xuất có khả năng thích ứng với BĐKH trong mọi lĩnh vực, đời sống; nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng, phổ biến các mô hình nhà ở thích ứng với BĐKH; triển khai chính sách hỗ trợ, các biện pháp bảo đảm an toàn cho người dân tại các vùng thường xuyên chịu tác động của thiên tai, BĐKH;

- Tăng cường quản lý, bảo vệ, phát triển và nâng cao chất lượng rừng thông qua các giải pháp trồng mới, tái sinh, phục hồi rừng, làm giàu rừng; đẩy mạnh sự tham gia của cộng đồng trong công tác phát triển rừng trồng nhằm cải thiện sinh kế. Nâng cao khả năng thích ứng của hệ sinh thái tự nhiên và đa dạng sinh học trước tác động của BĐKH thông qua tăng cường công tác quản lý các hệ sinh thái và đa dạng sinh học; tăng cường khả năng phục hồi của hệ sinh thái tự nhiên và bảo vệ, bảo tồn đa dạng sinh học trước tác động của BĐKH và nước biển dâng; tăng cường sự tham gia của cộng đồng địa phương trong giám sát, bảo tồn và quản lý đa dạng sinh học; tăng cường sự tham gia của cộng đồng địa phương trong giám sát, bảo tồn và quản lý đa dạng sinh học. Tổ chức thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 7024/KH-UBND ngày 27/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Chiến lược phát triển lâm nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng, nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng đô thị, các điểm dân cư tập trung, khu công nghiệp, khu tái định cư ven biển; phát triển các khu đô thị, đô thị ven biển, trung tâm du lịch biển, du lịch sinh thái, di tích lịch sử văn hóa; chống ngập lụt cho đô thị trong điều kiện BĐKH và nước biển dâng. Phát triển

mạng lưới y tế, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe và điều trị bệnh cho người dân. Giám sát và đánh giá nhằm nâng cao hiệu quả thích ứng với BĐKH.

- Phát triển và nhân rộng các mô hình thích ứng với BĐKH, các mô hình sinh kế bền vững, dựa vào hệ sinh thái và dựa vào cộng đồng, chú trọng đào tạo, chuyển đổi nghề, hỗ trợ công nghệ, tiếp cận các nguồn vốn cho người dân ở những vùng chịu nhiều rủi ro, dễ tổn thương trước tác động của BĐKH; thực hiện thí điểm một số mô hình an sinh xã hội, chuyển đổi công bằng phù hợp với điều kiện tự nhiên, sinh thái, xã hội của các vùng, miền của tỉnh. Nâng cao nhận thức, kiến thức, năng lực quản lý rủi ro thiên tai và thích ứng với BĐKH cho cán bộ, hội viên phụ nữ, thanh thiếu niên, người dân, đặc biệt ở vùng có nguy cơ cao về thiên tai.

d) Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, thúc đẩy sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng gắn với phát triển và sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo:

- Tổ chức nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ phục vụ các sở, ngành, địa phương trong tỉnh triển khai các nhiệm vụ, giải pháp ứng phó với BĐKH nhằm thực hiện mục tiêu đạt phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050; chú trọng ứng dụng khoa học và công nghệ, thúc đẩy sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng gắn với phát triển và sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo. Khuyến khích, hỗ trợ, phát triển các dự án theo cơ chế phát triển xanh, sạch, chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng các-bon thấp, kinh tế tuần hoàn; hạn chế phát triển các nhóm ngành kinh tế tiêu tốn nhiều năng lượng, gây ô nhiễm môi trường, hiệu quả kinh tế thấp và hạn chế khai thác, xuất khẩu gỗ.

- Xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình, dự án về phát triển, sử dụng năng lượng tái tạo, năng lượng sinh học, năng lượng mới; khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh xây dựng và triển khai các dự án theo cơ chế phát triển xanh, phát triển sạch.

- Thúc đẩy chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng các-bon thấp, tái cấu trúc các ngành kinh tế theo hướng ưu tiên phát triển các ngành, lĩnh vực sử dụng tiết kiệm năng lượng; từng bước hạn chế phát triển các nhóm ngành kinh tế tiêu tốn nhiều năng lượng, gây ô nhiễm môi trường, hiệu quả kinh tế thấp.

- Đẩy mạnh thực hiện các chương trình sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng, nghiên cứu, ứng dụng đổi mới công nghệ trong các ngành, lĩnh vực, đời sống dân sinh, phát triển KT-XH. Nghiên cứu các biện pháp cải tạo, bảo vệ đất sản xuất nông nghiệp bị thoái hóa; ngăn ngừa, giảm thiểu thoái hóa đất do xói mòn, hạn hán, xâm nhập mặn.

đ) Đẩy mạnh các hành động giảm phát thải khí nhà kính và tăng cường các bể hấp thụ khí nhà kính

- Triển khai các hành động giảm phát thải KNK và thực hiện các biện pháp giảm phát thải KNK trong từng lĩnh vực; thực hiện các biện pháp giảm phát thải khí mê-tan trong các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, quản lý chất thải và xử lý nước thải và trong tiêu thụ nhiên liệu hóa thạch; thay đổi phương thức

canh tác nông nghiệp, chăn nuôi và thúc đẩy phát triển sản xuất xanh, đảm bảo phát triển bền vững, an ninh lương thực và xóa đói giảm nghèo.

- Tổ chức thực hiện các biện pháp quản lý, giảm thiểu phát sinh chất thải từ sản xuất đến tiêu dùng, mở rộng trách nhiệm của nhà sản xuất; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ quản lý, xử lý và tái chế, tái sử dụng chất thải; hạn chế sử dụng năng lượng hóa thạch và tổ chức thực hiện chương trình sử dụng năng lượng hợp lý, tiết kiệm có hiệu quả trên tất cả các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, phục vụ công cộng và đời sống sinh hoạt; hạn chế sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần trong cộng đồng, cơ quan, trường học.

- Gia tăng và nâng cao chất lượng các bể hấp thụ KNK tự nhiên, nhất là trồng mới, tái sinh và phát triển rừng, bảo vệ các hệ sinh thái; xây dựng và áp dụng các chính sách hỗ trợ chuyển đổi mục đích kinh doanh rừng gỗ nhỏ sang gỗ lớn, thu nhập chính từ sản phẩm là gỗ sang thu nhập từ chi trả môi trường rừng thông qua việc hấp thụ CO₂ của rừng.

- Các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp thực hiện các biện pháp giảm phát thải khí nhà kính trong các hoạt động hằng ngày và trong đầu tư mới, mua sắm công, bao gồm các biện pháp sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng, các công trình xanh, làm mát bền vững, sử dụng xe điện chạy pin và các thiết bị ít tiêu hao năng lượng.

- Triển khai các nhiệm vụ nhằm thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 02/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác quản lý tín chỉ các-bon nhằm thực hiện Đóng góp do quốc gia tự quyết trên địa bàn tỉnh^[5]. Thực hiện kiểm kê KNK và giám phát thải KNK đối với các cơ sở phát thải KNK thuộc danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải KNK phải kiểm kê KNK do Thủ tướng Chính phủ ban hành. Khuyến khích các cơ sở phát thải khác, đặc biệt là các cơ sở thuộc khu vực công, thực hiện kiểm kê KNK và giám phát thải KNK. Tổ chức phân bổ hạn ngạch phát thải KNK cho các cơ sở phát thải KNK phải thực hiện kiểm kê KNK từ năm 2026. Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu trực tuyến về kiểm kê KNK và đo đạc, báo cáo, thẩm định hoạt động giảm nhẹ phát thải KNK. Khuyến khích các dự án đầu tư mới và các dự án đã đầu tư chuyển đổi, áp dụng các công nghệ, quy trình sản xuất, cung cấp dịch vụ ít phát thải KNK và tham gia vào các cơ chế, phương thức hợp tác về giảm phát thải KNK phù hợp với quy định của pháp luật và với điều kiện, hoạt động của mình.

e) Ban hành đầy đủ các văn bản về cơ chế, chính sách huy động nguồn lực, khuyến khích, thu hút sự tham gia đầu tư của các thành phần kinh tế cho các hoạt động thích ứng với BĐKH phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh;

2. Nhiệm vụ ưu tiên đối với từng lĩnh vực

a) Lĩnh vực Nông nghiệp:

^[5] Công văn số 3343/UBND-KTTH ngày 24/7/2024 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 02/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ .

- Hoàn thành các công trình hạ tầng trọng yếu ứng phó với BĐKH, đặc biệt là các công trình phòng chống thiên tai, ngăn triều cường, xâm nhập mặn, công trình trữ nước ngọt phục vụ sinh hoạt và sản xuất, chống ngập lụt ở các đô thị, khu dân cư. Xây dựng mới một số hồ chứa lớn đa mục tiêu tại các vùng hạn hán, vùng khan hiếm nước phù hợp với điều kiện tự nhiên từng vùng trên địa bàn tỉnh, đảm bảo hiệu quả cho phát triển kinh tế - xã hội. Tiếp tục đầu tư, cải tạo, nâng cấp hệ thống các công trình thủy lợi, ưu tiên những đoạn đê, kè xung yếu và có nguy cơ sạt lở cao. Từng bước hiện đại hóa hệ thống liên thông hồ chứa, kênh chuyển nước kín, hình thành hệ thống thủy lợi thông minh, đa mục tiêu, vừa cắt lũ và phục vụ chống hạn hiệu quả.

- Nâng cao hiệu quả quy hoạch, sử dụng đất nông nghiệp, thực hiện hiệu quả việc dồn điền đổi thửa, tích tụ ruộng đất, liên kết đất đai trong sản xuất nông nghiệp; bố trí cơ cấu mùa vụ, cây trồng thích ứng với BĐKH, phù hợp với lợi thế so sánh và thị trường theo vùng miền; phát triển, nhân rộng các giống cây trồng, vật nuôi và phòng, chống dịch bệnh cho cây trồng, vật nuôi, thủy sản; thúc đẩy phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ bền vững; thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, phát triển chuỗi giá trị nông, lâm, thủy sản bền vững dựa vào lợi thế tự nhiên từng vùng cũng tỉnh và nhu cầu của thị trường theo hướng thích ứng thông minh với BĐKH; thực hiện nhân rộng các mô hình trồng trọt, chăn nuôi và hình thành các vùng chuyên canh, sản xuất hàng hoá tập trung quy mô lớn theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ cao và các tiến bộ khoa học có khả năng thích ứng với BĐKH; tăng diện tích canh tác được tưới tiết kiệm, tưới thông minh cho canh tác lúa nước và cây dài ngày; chuyển đổi mô hình canh tác nông nghiệp theo hướng phát thải thấp; tái sử dụng phế phụ phẩm trồng trọt và xử lý chất thải chăn nuôi làm phân hữu cơ, tạo khí sinh học; áp dụng biện pháp bón phân compost và giảm phân hoá học; thay thế phân urê bằng các loại phân bón phát thải thấp.

- Đẩy mạnh nuôi trồng, khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản có giá trị gia tăng cao; thực hiện các hình thức đánh bắt và nuôi trồng thủy sản đạt hiệu quả cao; cải tiến phương pháp, kỹ thuật và cải thiện cơ sở hạ tầng ngành thủy sản.

- Thực hiện hiệu quả quản lý, phát triển, bảo vệ và nâng cao chất lượng rừng thông qua các giải pháp trồng mới, tái sinh, phục hồi, làm giàu rừng, kiểm soát cháy rừng, bảo tồn đa dạng sinh học; tăng cường sự tham gia của cộng đồng trong công tác phát triển rừng trồng nhằm cải thiện sinh kế và cơ hội việc làm trong lâm nghiệp. Đẩy nhanh tiến độ và thực hiện có hiệu quả Đề án “Bảo vệ và phát triển rừng vùng ven biển nhằm ứng phó với BĐKH và thúc đẩy tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030” và Đề án “Trồng 1 tỷ cây xanh giai đoạn 2021 – 2025” trên địa bàn tỉnh.

- Quản lý bền vững, bảo vệ, phục hồi và phát triển các nguồn tài nguyên thiên nhiên, các hệ sinh thái tự nhiên, hệ sinh thái biển gắn với bảo vệ đa dạng sinh học và nâng cao dịch vụ hệ sinh thái; bảo vệ và phát triển bền vững nguồn sinh thủy, các hệ sinh thái ngập nước quan trọng; quản lý, bảo vệ nghiêm ngặt

rừng tự nhiên hiện có; tăng cường khả năng phục hồi của hệ sinh thái tự nhiên và bảo vệ, bảo tồn đa dạng sinh học trước tác động của BĐKH và nước biển dâng; tăng cường khả năng phòng hộ của rừng đầu nguồn, rừng ven biển; phát triển rừng trồng gỗ lớn và phục hồi cảnh quan rừng; tăng cường sự tham gia của cộng đồng trong bảo vệ, quản lý và phát triển rừng nhằm cải thiện sinh kế, tăng thu nhập và cơ hội việc làm trong lâm nghiệp.

b) Lĩnh vực Công nghiệp và Năng lượng:

- Quy hoạch các khu, cụm công nghiệp tập trung gắn với quy hoạch đô thị - dịch vụ. Thu hút đầu tư mới để phát triển các khu công nghiệp giảm phát thải và áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn trong phát triển các khu công nghiệp phát thải ròng bằng “0”; thúc đẩy chuyển đổi các khu công nghiệp đã có dần theo hướng sinh thái, bền vững hướng tới mục tiêu phát thải ròng bằng “0”; khuyến khích đầu tư các dự án sử dụng công nghệ cao, hiện đại, sử dụng năng lượng sạch, ít năng lượng, thân thiện với môi trường; tiếp tục phát triển các dự án điện năng lượng tái tạo; hạn chế cấp phép đầu tư đối với các dự án có nguy cơ gây ô nhiễm cao, sử dụng nhiều năng lượng hóa thạch. Tăng cường kiểm tra, hướng dẫn các doanh nghiệp xử lý chất thải, khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường trong quá trình sản xuất; yêu cầu thay thế công nghệ, di dời hoặc đình chỉ sản xuất đối với các cơ sở công nghiệp gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Đẩy mạnh triển khai phát triển công nghiệp sinh học ngành công thương.

- Nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng của ngành công nghiệp, năng lượng và thương mại, các cơ sở sản xuất công nghiệp gắn với triển khai đồng bộ các biện pháp BVMT, sử dụng, khai thác hợp lý, có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên tại khu vực dễ bị tổn thương do BĐKH. Khuyến khích các ngành công nghiệp công nghệ cao, sử dụng ít năng lượng, ưu tiên hỗ trợ, phát triển các dự án theo cơ chế phát triển xanh, sạch, chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng các-bon thấp, kinh tế tuần hoàn; hạn chế phát triển các nhóm ngành kinh tế tiêu tốn nhiều năng lượng, gây ô nhiễm môi trường, hiệu quả kinh tế thấp và hạn chế khai thác, xuất khẩu gỗ.

- Đẩy mạnh các biện pháp nhằm tăng cường điện khí hóa và sử dụng hiệu quả năng lượng trong dân dụng, công nghiệp, giao thông vận tải; phát triển lưới điện thông minh, vận hành các nguồn năng lượng mới, nguồn điện linh hoạt; thực hiện các chương trình quản lý nhu cầu điện và điều chỉnh phụ tải điện.

c) Lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường:

- Xây dựng, cập nhật quy hoạch và quản lý hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên đất đai, khoáng sản, nước, biển và BVMT, đa dạng sinh học, các hệ sinh thái tự nhiên trong bối cảnh BĐKH.

- Khai thác hợp lý, hiệu quả diện tích đất chưa sử dụng, đất bãi bồi ven sông, ven biển cho phát triển rừng, phát triển cây xanh ở đô thị và khu công nghiệp. Quản lý chặt chẽ các nguồn tài nguyên khoáng sản sử dụng làm vật liệu xây dựng thông thường, bảo đảm phòng, chống sạt lở, sụt lún, suy thoái nước ngầm, xâm thực biển. Tăng cường các giải pháp cải tạo, bảo vệ môi trường đất,

nước và đa dạng sinh học, đặc biệt đối với đất sản xuất nông nghiệp bị thoái hóa; ngăn ngừa, giảm thiểu thoái hóa đất, ô nhiễm đất.

- Thực hiện tốt công tác quản lý, giám sát, bảo vệ và khai thác, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên nước; tập trung kiểm soát, giám sát ngăn ngừa, hạn chế tình trạng ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước; nâng cao khả năng trữ nước và hiệu quả sử dụng nước trong điều kiện BĐKH, ưu tiên cho các vùng có nguy cơ hạn hán, thiếu nước, chịu tác động bất lợi của xâm nhập mặn; nâng cao hiệu quả quản lý tài nguyên nước theo hướng tổng hợp, thống nhất nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của các ngành, cải thiện chất lượng môi trường, giảm thiểu tác động và phòng, chống thiên tai do nước gây ra phục vụ đời sống nhân dân và phát triển KT-XH.

- Tăng hiệu quả quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại, nước thải, khí thải và công tác xử lý, tái chế chất thải rắn. Thực hiện lựa chọn, áp dụng công nghệ xử lý chất thải tiên tiến, hiện đại; công nghệ xử lý chất thải kết hợp thu hồi năng lượng, sản xuất phân compost, sản xuất viên nén nhiên liệu từ chất thải rắn, chôn lấp có thu gom khí (LFG), đốt rác để phát điện; công nghệ thu hồi khí mê-tan phát sinh trong xử lý nước thải công nghiệp; công nghệ sinh học loại bỏ khí mê-tan trong xử lý nước thải sinh hoạt; xử lý hiệu quả bùn thải tại các nhà máy xử lý nước thải tập trung bằng phương pháp yếm khí kết hợp thu hồi khí mê-tan

- Đẩy mạnh triển khai phân loại rác tại nguồn; xây dựng, hoàn thiện và áp dụng đồng bộ các quy trình, quy định, hướng dẫn, mô hình thu gom, vận chuyển, phân loại, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh; xây dựng, nâng cấp cơ sở hạ tầng, đầu tư trang thiết bị đáp ứng yêu cầu phân loại, thu gom, lưu giữ, tái sử dụng, tái chế, vận chuyển, xử lý chất thải rắn theo quy định và phù hợp với đặc điểm các khu dân cư tập trung, đô thị, nông thôn và phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của địa phương.

- Thực hiện đánh giá tác động, mức độ dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do BĐKH trong quy hoạch, đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, đô thị, khu dân cư, khu tái định cư ven biển trên cơ sở phân vùng rủi ro thiên tai và kịch bản biến đổi khí hậu.

- Ứng dụng công nghệ, xây dựng, hoàn thiện hệ thống quan trắc, giám sát tài nguyên và môi trường, cảnh báo khí tượng thủy văn, quản lý chất thải, kiểm soát chất lượng môi trường, cảnh báo sớm ô nhiễm môi trường.

d) Lĩnh vực Khoa học và Công nghệ:

- Đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng khoa học và công nghệ tiên tiến, hiện đại trong công tác quản lý bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư cải tiến, đổi mới trang thiết bị, công nghệ, sản xuất sản phẩm mới theo hướng giảm phát thải ô nhiễm, thân thiện với môi trường; nghiên cứu, điều tra đánh giá về nguồn lợi, hệ sinh thái; phục hồi, bảo vệ nguồn gen quý hiếm và đa dạng sinh học tại các khu bảo tồn thiên nhiên của tỉnh; các giải pháp tái sinh, phục hồi rừng, làm giàu rừng, bảo, bảo đảm phát triển bền vững; triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ về

ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, tài nguyên và môi trường; phát triển các mô hình sản xuất ít phát thải khí nhà kính.

- Đẩy mạnh công tác đánh giá, thẩm định công nghệ được ứng dụng, chuyển giao trong hoạt động sản xuất - kinh doanh nhằm loại trừ các công nghệ gây ô nhiễm môi trường, gia tăng phát thải khí nhà kính.

đ) Lĩnh vực Văn hóa và Du lịch:

- Thường xuyên kiểm tra, cập nhật sự ảnh hưởng của BĐKH đối với các di tích lịch sử, văn hóa, danh thắng trên địa bàn tỉnh, đề ra các biện pháp tu bổ, tôn tạo cho phù hợp. Tăng cường sử dụng các chất liệu truyền thống, phương thức truyền thống trong việc tu bổ, phục dựng bảo quản các hiện vật trong khu di tích, bảo tàng, nhà truyền thống; có giải pháp cải tạo, bảo vệ đối với các hạ tầng văn hóa, du lịch có nguy cơ ảnh hưởng tác động của BĐKH hoặc di dời, chuyển đổi loại hình cho phù hợp để thích ứng với điều kiện thực tế.

- Duy tu, bảo tồn và nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng, các công trình di tích lịch sử văn hóa nhằm nâng cao khả năng chống chịu với BĐKH; bảo tồn, phát huy văn hóa truyền thống, tri thức địa phương, đặc biệt chú trọng vai trò của nghệ nhân trong ứng phó với BĐKH; xây dựng lối sống xanh trong cộng đồng, giữ gìn môi trường du lịch xanh, sạch, đẹp và triển khai thực hiện có hiệu quả các kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh về đổi mới nếp sống, văn hóa, văn minh đô thị, bảo tồn và phát huy bền vững giá trị di sản văn hóa Việt Nam^[6].

- Nâng cao năng lực cho cán bộ địa phương nhằm bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể, di sản văn hóa phi vật thể và di sản tư liệu trước tác động của BĐKH bằng các tri thức địa phương.

- Nâng cấp, cải tạo hệ thống cơ sở hạ tầng, các công trình du lịch, thể thao nhằm nâng cao khả năng chống chịu với BĐKH, chú trọng các khu, điểm du lịch và xây dựng các sản phẩm du lịch bền vững, thích ứng với BĐKH độc đáo của tỉnh; nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ du lịch đáp ứng nhu cầu của du khách, góp phần xây dựng thương hiệu điểm đến của tỉnh.

e) Lĩnh vực Xây dựng:

- Rà soát, cập nhật quy hoạch xây dựng đô thị thích ứng, chống chịu với BĐKH; quy hoạch, bố trí, di dời, sắp xếp các khu dân cư ven biển, ven sông, suối, khu vực có nguy cơ xảy ra lũ quét, sạt lở, sụt lún đất, tai biến địa chất, bảo đảm ổn định, an toàn, phù hợp với các kịch bản BĐKH; những nơi chưa thể di dời được cần được theo dõi, giám sát, cảnh báo để kịp thời sơ tán, giảm thiểu rủi ro; xây dựng nhà an toàn phòng chống thiên tai, gắn với xây dựng nông thôn mới, đặc biệt những vùng thường xuyên bị tác động do lũ quét, sạt lở đất; xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng kết hợp với sơ tán nhằm bảo đảm an toàn cho người dân; ưu tiên xây dựng các công trình xanh và phát triển cây xanh đô thị,

^[6] Kế hoạch số 1956/KH-UBND ngày 23/4/2021 Triển khai thực hiện “Đổi mới nếp sống văn hóa, văn minh đô thị” tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021 - 2025 và Kế hoạch số 4654/KH-UBND ngày 03/9/2021 triển khai thực hiện Chương trình Bảo tồn và phát huy bền vững giá trị di sản văn hóa Việt Nam, giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

nâng cấp hệ thống tiêu thoát nước, phòng chống ngập lụt do mưa lớn, lũ, triều cường, nước dâng do bão cho các đô thị, khu dân cư ven biển.

- Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc duy tu, bảo dưỡng và xây dựng, nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng đô thị, các điểm dân cư tập trung, khu công nghiệp, khu tái định cư ven biển bảo đảm thoát nước, hạn chế ngập úng khi có mưa lớn; phát triển các khu đô thị, đô thị ven biển, trung tâm du lịch biển, du lịch sinh thái, di tích lịch sử văn hóa; chống ngập lụt cho đô thị trong điều kiện BĐKH và nước biển dâng.

- Nghiên cứu thúc đẩy phát triển đô thị, khu dân cư, khu công nghiệp, cụm công nghiệp theo mô hình tuần hoàn, bảo đảm quỹ đất cho phát triển các khu xử lý, tái chế chất thải liên huyện, thành phố của tỉnh; đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ, vật liệu mới có khả năng thích ứng với BĐKH vào đầu tư xây dựng công trình, nhà ở và phát triển mô hình tòa nhà xanh. Tập trung triển khai xây dựng thành phố Phan Rang-Tháp Chàm thành đô thị xanh, hiện đại, thông minh.

- Triển khai các dự án nhằm ứng dụng các công nghệ, giải pháp làm lạnh tiên tiến, sử dụng các loại vật liệu mới, bền vững, có tính chống chịu cao với BĐKH trong lĩnh vực xây dựng và đô thị.

g) Lĩnh vực Giao thông vận tải:

- Xây dựng, nâng cấp, cải tạo các công trình giao thông qua đập dâng, đập tràn thoát lũ và các công trình giao thông có khả năng chống chịu sạt lở đất ở các khu vực có rủi ro thiên tai cao và dễ bị tổn thương do BĐKH. Thực hiện kiểm tra và đảm bảo chất lượng, tuổi thọ của các tuyến đường trong bối cảnh nhiệt độ ngày càng gia tăng, các hiện tượng thời tiết cực đoan thường xuyên do BĐKH.

- Thúc đẩy các hoạt động giảm phát thải từ vận tải đường bộ; thúc đẩy chuyển đổi hoạt động theo tiêu chí xanh, phát thải các-bon thấp đối với các cảng, bến, nhà ga; phát triển hạ tầng cung cấp năng lượng xanh cho phương tiện giao thông vận tải; phát triển kết cấu hạ tầng giao thông xanh, phát thải các-bon thấp; khuyến khích phát triển các phương tiện giao thông công cộng, xe điện, các phương tiện giao thông sử dụng nhiên liệu thân thiện môi trường, sử dụng ít hoặc không sử dụng nhiên liệu hóa thạch; tăng cường kiểm soát khí thải từ các phương tiện giao thông, kiểm soát ô nhiễm không khí từ hoạt động giao thông vận tải.

h) Lĩnh vực Y tế:

- Đầu tư nâng cấp, cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị y tế tiên tiến, hiện đại bảo đảm điều kiện chăm sóc sức khỏe nhân dân; phát triển mạng lưới y tế cơ sở đáp ứng yêu cầu về phòng chống dịch, bệnh và các bệnh mới phát sinh do tác động của biến đổi khí hậu, ưu tiên cho địa phương có người dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa; Đầu tư, phát triển hệ thống giám sát và cảnh báo sớm các tác động của BĐKH đến sức khỏe nhân dân.

- Xây dựng và nhân rộng các mô hình quản lý, giám sát các dịch bệnh liên

quan đến sự thay đổi của thời tiết và khí hậu; xây dựng và nhân rộng các mô hình vệ sinh môi trường và nước sạch thích ứng với BĐKH cho cộng đồng và cơ sở y tế, chú trọng khu vực nông thôn, miền núi, ven biển, đặc biệt là những vùng chịu tác động của bão, lũ, hạn hán, xâm nhập mặn; xây dựng, nhân rộng các mô hình về dinh dưỡng, thực phẩm, bệnh lây nhiễm, bệnh không lây nhiễm và ứng dụng công nghệ thân thiện với môi trường, công nghệ tái tạo, sử dụng năng lượng sạch thích ứng với biến đổi khí hậu cho cộng đồng và các cơ sở y tế.

i) Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo:

- Bổ sung, nâng cao, cập nhật kiến thức về thích ứng với BĐKH, giảm nhẹ rủi ro thiên tai và giảm phát thải khí nhà kính vào chương trình giáo dục phổ thông; nghiên cứu triển khai các chương trình giáo dục và đào tạo tích hợp nội dung về ứng phó BĐKH phù hợp ở các cấp học nhằm nâng cao hiểu biết, nhận thức và hành vi của học sinh, sinh viên về thích ứng BĐKH, phòng tránh thiên tai và bảo vệ môi trường; thúc đẩy lối sống thân thiện khí hậu góp phần hình thành lối sống văn minh, bảo vệ hệ thống khí hậu trái đất.

- Xây dựng, nâng cấp, cải tạo các trường học bảo đảm khả năng chống chịu trước tác động của biến đổi khí hậu; bảo đảm an toàn và tăng cường khả năng ứng phó trước thiên tai.

- Tăng cường hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu để triển khai các chương trình đào tạo, phát triển nguồn nhân lực về BĐKH cho tỉnh.

3. Danh mục nhiệm vụ, dự án ưu tiên thực hiện trong giai đoạn 2021 - 2030

Ngoài các nhiệm vụ thường xuyên thuộc trách nhiệm của các sở, ban, ngành, địa phương nêu trên, để thực hiện đạt hiệu quả mục tiêu, chỉ tiêu về thích ứng với BĐKH, Chương trình này đề xuất 103 nhiệm vụ, dự án ưu tiên thuộc 09 nhóm lĩnh vực, ngành để thực hiện giai đoạn 2021 – 2030, với nhu cầu kinh phí dự kiến thực hiện là 29.555,16 tỷ đồng, trong đó, giai đoạn 2021- 2025 là 12.469,9 tỷ đồng, giai đoạn 2026 – 2030 là 17.085,19 tỷ đồng (*Chi tiết tại Danh mục nhiệm vụ, dự án đính kèm Chương trình này*).

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao nhận thức về biến đổi khí hậu

- Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, chỉ đạo của chính quyền đối với công tác ứng phó với BĐKH; xác định công tác thích ứng với BĐKH là nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung, ưu tiên trong chỉ đạo điều hành nhiệm vụ chính trị; xác định rõ trách nhiệm người đứng đầu trong thực hiện nhiệm vụ và đưa công tác thích ứng với BĐKH trở thành chỉ tiêu đánh giá thi đua của cơ quan, đơn vị, địa phương và cán bộ, công chức, viên chức hàng năm.

- Các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể quán triệt, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức và thu hút sự tham gia của cộng đồng về thích

ứng với BĐKH; đa dạng hóa phương thức thông tin; khai thác các lợi thế của công nghệ số, nâng cao chất lượng truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin về dự báo khí tượng thủy văn, dự báo, cảnh báo thiên tai.

- Các cơ quan thông tin đại chúng của tỉnh phối hợp cơ quan thông tin đại chúng Trung ương tăng cường tuyên truyền về công tác thích ứng với BĐKH; nêu gương người tốt, việc tốt, các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tích cực tham gia các hoạt động thích ứng với BĐKH, phòng, chống thiên tai và có công trình, dự án, giải pháp thích ứng với BĐKH và phòng, chống thiên tai hiệu quả.

2. Nghiên cứu, ứng dụng khoa học – công nghệ và tăng cường liên kết, hợp tác quốc tế

- Nghiên cứu, chuyên gia và áp dụng công nghệ mới, thiết bị, hạ tầng kỹ thuật phục vụ cho công tác chủ động thích ứng với BĐKH; đề xuất các giải pháp chủ động, thích ứng phù hợp với từng vùng, từng ngành, lĩnh vực nhất là các địa phương ven biển, vùng núi cao, vùng dễ bị tổn thương.

- Triển khai hiệu quả Chương trình ứng dụng, chuyên gia, đổi mới công nghệ trong các ngành công nghiệp chủ đạo của tỉnh; ứng dụng KHCN phục vụ phát triển du lịch, BVMT, thích ứng với BĐKH của tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030^[7]. Nghiên cứu đề xuất giải pháp chuyển đổi mô hình tăng trưởng gắn với cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng các-bon thấp, tăng trưởng xanh và phát triển bền vững phù hợp với thực tiễn của tỉnh; tập trung chuyển đổi cơ cấu, giống cây trồng, vật nuôi, điều chỉnh mùa vụ, kỹ thuật sản xuất nông nghiệp thích ứng với BĐKH; đề xuất giải pháp tận dụng cơ hội, chuyển hóa các thách thức từ BĐKH để phát triển KT-XH.

- Có phương án tiếp cận và sử dụng hiệu quả nguồn tài trợ của các tổ chức quốc tế trong các vấn đề liên quan đến BĐKH, vấn đề chuyển giao công nghệ; tăng cường năng lực; đề xuất các hướng tài trợ nhằm huy động tối đa sự hỗ trợ của tổ chức quốc tế về nghiên cứu, ứng dụng KHCN trong lĩnh vực BĐKH trên địa bàn tỉnh nhằm mang lại những giải pháp thích ứng đạt hiệu quả cao.

- Chủ động, tăng cường quan hệ hợp tác, liên kết quản lý với các tỉnh lân cận trong vùng kinh tế trọng điểm Nam Trung Bộ và Tây Nguyên về công tác thích ứng với BĐKH, quản lý tài nguyên thiên nhiên và BVMT.

3. Tăng cường thể chế và huy động nguồn lực tài chính cho hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu

- Tăng cường công tác quản lý, cơ chế phối hợp trong việc sử dụng các nguồn vốn trong và ngoài nước cho thích ứng với BĐKH có trọng tâm, trọng điểm, đạt hiệu quả cao, đặc biệt ưu tiên các dự án cấp bách, không thể trì hoãn.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách tạo thuận lợi để thu hút các dòng vốn đầu tư cho ứng phó với BĐKH, khuyến khích sự tham gia của

^[7] Quyết định số 472/QĐ-UBND ngày 23/8/2022 của UBND tỉnh Ninh Thuận Ban hành Chương trình ứng dụng, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh Ninh Thuận đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

doanh nghiệp, người dân thực hiện các hoạt động thích ứng với BĐKH, giảm phát thải KNK, xây dựng cộng đồng phát thải thấp, quản lý, sử dụng hợp lý tài nguyên và BVMT gắn với phát triển sinh kế bền vững.

- Xây dựng, áp dụng chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư, cơ chế và các công cụ kinh tế nhằm khơi thông nguồn lực xã hội, huy động hiệu quả nguồn lực tài chính của khối doanh nghiệp cho ứng phó BĐKH; xác định các chương trình, dự án mang lại hiệu quả kinh tế cao và đóng góp thực hiện mục tiêu ứng phó với BĐKH để doanh nghiệp thực hiện thông qua các hình thức hợp tác giữa nhà nước và doanh nghiệp, giữa các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài, ưu tiên các dự án áp dụng công nghệ, giải pháp chuyển đổi sử dụng từ năng lượng hoá thạch sang năng lượng tái tạo, nâng cao hiệu suất năng lượng.

- Huy động các nguồn lực, bao gồm nguồn xã hội hóa, nguồn tài chính của Trung ương, các dự án ODA, của các tổ chức phi chính phủ thông qua các chương trình liên quan đến nâng cao năng lực cho cán bộ kỹ thuật, các dự án phát triển và nhân rộng mô hình thích ứng, hỗ trợ sinh kế, đặc biệt là tại các địa bàn có nguy cơ ảnh hưởng cao do BĐKH và những địa phương chịu nhiều ảnh hưởng của BĐKH.

- Tranh thủ sự hỗ trợ, bố trí kinh phí cho hoạt động thích ứng với BĐKH của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương. Chú trọng lồng ghép tác động và giải pháp thích ứng BĐKH vào quy hoạch phát triển tổng thể của tỉnh, các quy hoạch, các chương trình, dự án phát triển ngành, lĩnh vực trong thời gian tới.

- Ưu tiên đầu tư kinh phí và vật chất cho công tác nâng cấp các hệ thống hạ tầng, các đánh giá tác động của BĐKH đến các ngành, lĩnh vực một cách chuyên sâu nhằm tăng khả năng thích ứng với BĐKH trong toàn tỉnh.

4. Xây dựng nguồn nhân lực

- Xây dựng và triển khai chương trình tập huấn, bồi dưỡng, đào tạo lại về thích ứng với BĐKH và giảm nhẹ rủi ro thiên tai, sử dụng năng lượng tái tạo, năng lượng mới; nội dung ứng phó với BĐKH lồng ghép vào chương trình giảng dạy ở các cấp học.

- Tăng cường sự tham gia của cả hệ thống chính trị trong tổ chức chỉ đạo, phối hợp liên ngành về thích ứng với BĐKH; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý các vấn đề BĐKH từ tỉnh đến cơ sở.

- Tăng cường năng lực cho các doanh nghiệp trong tiếp cận, tham gia triển khai các chương trình, dự án theo các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon và phát triển thị trường các-bon.

- Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, chuyên gia chất lượng cao về kiểm kê KNK, thẩm định giảm phát thải KNK, phát triển thị trường các-bon, bảo vệ tầng ô-dôn, thích ứng với BĐKH đáp ứng yêu cầu quản lý và phù hợp với lộ trình, quy định trong nước; lực lượng chuyên nghiệp phục vụ cho công tác tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn trong các tình huống thiên tai; từng bước hiện đại hóa, chuyên nghiệp hóa lực lượng tìm kiếm, cứu nạn.

- Mời gọi các chuyên gia trong và ngoài nước hỗ trợ về chuyên môn, kinh nghiệm, các mô hình thích ứng hiệu quả với BĐKH. Tổ chức đào tạo, tập huấn, xây dựng lực lượng chuyên nghiệp, chính sách cán bộ phục vụ cho công tác tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn trong các tình huống thiên tai. Từng bước hiện đại hóa, chuyên nghiệp hóa lực lượng tìm kiếm, cứu nạn.

- Thúc đẩy hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, phát triển và ứng dụng các công nghệ giảm phát thải KNK có tiềm năng, như thu và lưu trữ các-bon, phát triển năng lượng hydro xanh, pin năng lượng và các nguồn năng lượng mới có tiềm năng khác; thực hiện các giải pháp thích ứng với BĐKH, nước biển dâng.

5. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát

- Tăng cường sự phối hợp của các cấp, các ngành trong thanh tra, kiểm tra, gắn với sự giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình này của các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể và nhân dân để phát hiện kịp thời, xử lý kiên quyết đúng pháp luật các hành vi vi phạm pháp luật của tổ chức, cá nhân về thích ứng với BĐKH, phòng, chống thiên tai.

- Ban hành các quy chế, quy định về sự phối hợp, phân cấp quản lý, trách nhiệm của các cấp, các ngành trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ về thích ứng với BĐKH.

- Tạo điều kiện phát huy vai trò giám sát của các tổ chức đoàn thể, cộng đồng dân cư trong công tác thích ứng với BĐKH và phòng, chống thiên tai. Có cơ chế để tiếp nhận phản ánh của nhân dân và báo chí về hành vi vi phạm pháp luật về thích ứng BĐKH và phòng, chống thiên tai.

IV. NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Nguồn lực tài chính

Nguồn kinh phí thực hiện Chương trình bao gồm từ nguồn ngân sách nhà nước (chi thường xuyên, chi đầu tư phát triển) theo phân cấp hiện hành thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; lồng ghép trong các Chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án, các nguồn vốn tư nhân và các nguồn huy động hợp pháp khác. Cụ thể theo từng loại nguồn sau:

a) Đối với nhiệm vụ, dự án thuộc nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường của tỉnh: Giao Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp Sở Tài chính tổng hợp nhiệm vụ các sở ngành, xây dựng danh mục các chương trình thực hiện Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH hàng năm, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Đối với nhiệm vụ, dự án thuộc nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học của tỉnh: Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan thẩm định, phê duyệt, giám sát triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học, các định hướng công nghệ liên quan đến thích ứng với BĐKH. Các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ để đăng ký thực hiện theo quy định.

c) *Đối với nhiệm vụ, dự án thuộc nguồn vốn đầu tư phát triển của tỉnh:* Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp các chương trình, dự án theo Luật Đầu tư công thông qua Hội đồng nhân dân hàng năm. Trên cơ sở được Hội đồng nhân dân thông qua, ngân sách tỉnh sẽ tiến hành cân đối và bố trí vốn cho các dự án này.

d) *Đối với nhiệm vụ, dự án được lồng ghép trong các Chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án khác:* Các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố nghiên cứu lồng ghép và tổ chức thực hiện.

đ) *Đối với nhiệm vụ, dự án thuộc nguồn kinh phí khác:* Giao Sở kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan dựa trên danh mục các nhiệm vụ, dự án được phê duyệt thông qua, chủ động tìm kiếm nguồn tài trợ hợp pháp nhằm huy động sự đóng góp của cộng đồng quốc tế và trong nước, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Nguồn nhân lực

- Huy động tối đa nguồn nhân lực của các Sở, ban, ngành, huyện, thành phố cùng xây dựng và triển khai Chương trình này có hiệu quả; tiếp tục tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, đào tạo lại về thích ứng với BĐKH và giảm nhẹ rủi ro thiên tai, sử dụng năng lượng tái tạo, năng lượng mới

- Tăng cường sự tham gia các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp, các đoàn thể quần chúng, các tổ chức phi chính phủ, các doanh nghiệp và cộng đồng tham gia vào các hoạt động ứng phó với BĐKH.

- Mời gọi các chuyên gia trong và ngoài nước hỗ trợ về chuyên môn, kinh nghiệm các mô hình ứng phó hiệu quả với BĐKH; các doanh nghiệp tiếp cận, tham gia triển khai các chương trình, dự án theo các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon và phát triển thị trường các-bon, trao đổi kinh nghiệm, mô hình hiệu quả trong triển khai thực hiện kiểm kê KNK, giảm phát thải KNK hiệu quả.

Phần III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thuộc tỉnh theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình và tổ chức giám sát và đánh giá việc triển khai thực hiện Chương trình; kịp thời báo cáo và tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo giải quyết những bất cập, vướng mắc nảy sinh trong thực tiễn để Chương trình được triển khai theo tiến độ, mang lại hiệu quả thiết thực.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các sở, ban, ngành, liên quan xây dựng các cơ chế, chính sách hỗ trợ, thu hút đầu tư cho các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Định kỳ hằng năm (trước ngày 20/12), tổng hợp báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình cho Ủy ban nhân dân tỉnh; báo cáo đột xuất khi có yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh sơ kết, tổng kết giai đoạn thực hiện Chương trình, kiểm điểm, rút kinh nghiệm kết quả thực hiện; kịp thời tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo tăng cường việc thực hiện các nội dung của Chương trình.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, tổng hợp các dự án đầu tư vào kế hoạch đầu tư công trung hạn theo các giai đoạn trên cơ sở danh mục dự án của các Sở, ban, ngành, địa phương đề xuất để trình cấp có thẩm quyền theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công;

- Chủ trì xây dựng các cơ chế, chính sách và triển khai các hoạt động nhằm hỗ trợ, thu hút đầu tư thúc đẩy huy động nguồn lực cho các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các các Sở, ban, ngành, địa phương có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Chương trình thích ứng với biến đổi khí hậu từ dự toán đầu năm theo quy định và trong khả năng cân đối ngân sách tỉnh.

4. Các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện và thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ theo quy định và trên cơ sở mục tiêu, chỉ tiêu nhiệm vụ, giải pháp và trách nhiệm được phân công tại Chương trình này, các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương chủ động rà soát, nghiên cứu xây dựng kế hoạch chi tiết triển khai thực hiện Chương trình này cho phù hợp với ngành, lĩnh vực, địa phương mình, đảm bảo các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, dự án liên quan được thực hiện và đạt hiệu quả, bảo đảm tiến độ và chất lượng. Quá trình thực hiện, có vướng mắc, kịp thời báo cáo gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo.

- Rà soát các quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và địa phương để bảo đảm các hoạt động của Chương trình được lồng ghép, tích hợp theo quy định và bảo đảm tính liên kết đồng bộ giữa các quy hoạch, kế hoạch.

- Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức; vận động, thu hút sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp và cộng đồng; tạo điều kiện cho các tổ chức tài chính, doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư, hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ, dự án về thích ứng với BĐKH.

- Thực hiện giám sát và đánh giá kết quả thực hiện hoạt động thích ứng với BĐKH trong phạm vi quản lý; định kỳ hằng năm báo cáo tình hình thực hiện theo đúng nội dung Đề cương báo cáo đính kèm theo Chương trình này, gửi về Sở Tài

nguyên và Môi trường trước ngày 10 tháng 12 để tổng hợp.

- Căn cứ nội dung Chương trình thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050, các Sở, ban, ngành, đơn vị thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai xây dựng nội dung chi tiết, dự toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật hiện hành, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc phê duyệt theo thẩm quyền để triển khai thực hiện. Đối với các nhiệm vụ thuộc chức năng, nhiệm vụ thường xuyên, các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm bố trí kinh phí trong dự toán ngân sách được giao hàng năm để thực hiện.

5. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh

Theo chức năng, nhiệm vụ chủ động tham gia, phối hợp triển khai thực hiện Chương trình; tuyên truyền, phổ biến kiến thức về BĐKH, nâng cao năng lực thích ứng với BĐKH, giảm phát thải khí nhà kính, giảm nhẹ thiên tai trong cộng đồng trên địa bàn tỉnh; vận động, huy động sự tham gia của cộng đồng doanh nghiệp và các tầng lớp nhân dân trong việc triển khai thực hiện Chương trình; tích cực phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương triển khai thực hiện, giám sát và đánh giá quá trình thực hiện Chương trình.

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, đơn vị, Ủy ban nhân dân các huyện và thành phố nghiêm túc triển khai thực hiện Chương trình này./.



ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Quyết định số /QĐ-UBND ngày .../.../2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chương trình thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, năm của

(Kèm theo Chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 516 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH

- Khái quát đặc điểm, tình hình chung của cơ quan, đơn vị, địa phương.
- Những thuận lợi, khó khăn tác động đến quá trình triển khai thực hiện;
- Kết quả triển khai quán triệt, kết quả ban hành văn bản chi tiết (nghị quyết, chương trình, Kế hoạch của cơ quan, đơn vị, địa phương) thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 30/12/2021 (Nghị quyết 12); Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 (Nghị quyết 33) và Chương trình này.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

Yêu cầu: Bám sát mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tại Chương trình, đánh giá kết quả thực hiện từng mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể và những nhiệm vụ, giải pháp (bao gồm các nhiệm vụ, dự án ưu tiên thực hiện trong thời gian báo cáo) thuộc trách nhiệm và nhiệm vụ liên quan ngành, lĩnh vực, địa phương của cơ quan, đơn vị, địa phương *(trong mốc thời gian từ tháng 01 đến tháng 11, ước đến tháng 12 của năm báo cáo):* có khối lượng, số lượng cụ thể về kết quả đạt được, trong đó đánh giá, so sánh kết quả đạt được so với năm trước và với Nghị quyết, Chương trình đề ra:

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu cụ thể

Nêu rõ kết quả từng chỉ tiêu đã thực hiện, đánh giá kết quả thực hiện so với năm trước; lập phụ lục chi tiết kết quả thực hiện từng chỉ tiêu.

2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ

2.1. Đối với nhiệm vụ chung

- Về xây dựng, phát triển, nâng cao năng lực giám sát, cảnh báo BĐKH, thiên tai*
- Về chủ động ứng phó, giảm nhẹ rủi ro thiên tai*
- Về tăng cường khả năng chống chịu, nâng cao năng lực thích ứng của cộng đồng, các thành phần kinh tế và hệ sinh thái trước BĐKH*
- Về đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, thúc đẩy sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng gắn với phát triển và sử dụng năng lượng mới, năng lượng*

tái tạo

đ) Về đẩy mạnh các hành động giảm phát thải khí nhà kính và tăng cường các bể hấp thu khí nhà kính

2.2. Đối với nhiệm vụ ưu tiên trong từng lĩnh vực

- a) Về lĩnh vực Nông nghiệp
- b) Về lĩnh vực Công nghiệp và Năng lượng
- c) Về lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường
- d) Về lĩnh vực Khoa học và Công nghệ
- đ) Về lĩnh vực Văn hóa và Du lịch
- e) Về lĩnh vực Xây dựng
- g) Về lĩnh vực Giao thông vận tải
- h) Về lĩnh vực Y tế
- i) Về lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo

2.3. Kết quả thực hiện nhiệm vụ, dự án ưu tiên

Báo cáo làm rõ kết quả thực hiện các nhiệm vụ, dự án ưu tiên, kinh phí thực hiện, tiến độ, mức độ hoàn thành.

2.4. Kết quả thực hiện các giải pháp và trách nhiệm được phân công

(Lập phụ lục chi tiết kết quả thực hiện đối với từng nhiệm vụ chung; nhiệm vụ ưu tiên thuộc lĩnh vực, ngành; nhiệm vụ, dự án ưu tiên).

3. Đánh giá kết quả thực hiện

- Kết quả đạt được, nguyên nhân
- Tồn tại, hạn chế
- Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế, vướng mắc, khó; đề xuất giải pháp.
- Kiến nghị đề xuất nhiệm vụ, giải pháp cụ thể để thực hiện, khắc phục nhằm đạt mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra trong năm tiếp theo

4. Bài học kinh nghiệm

III. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN, GIẢI PHÁP CỦA ĐƠN VỊ SẼ TẬP TRUNG CHỈ ĐẠO, TỔ CHỨC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 12-NQ/TU; NGHỊ QUYẾT SỐ 33/NQ-HĐND VÀ CHƯƠNG TRÌNH NÀY

1. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

2. Nhiệm vụ trọng tâm, dự án, chương trình ưu tiên thực hiện

3. Giải pháp tiếp tục thực hiện

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đối với Chính phủ, cơ quan Trung ương (về Luật, văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách,...) *(nếu có)*.

2. Đối với tỉnh:

- a) Đề xuất kiến nghị với Tỉnh ủy.
- b) Đề xuất kiến nghị với Hội đồng nhân dân tỉnh.
- c) Đề xuất kiến nghị với Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Kiến nghị khác

Phụ lục 2

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU

(Ban hành kèm theo Báo cáo số ngày / / của)

2.1. Chỉ tiêu 100% các trường học, cơ sở đào tạo được phổ biến kiến thức và 100% cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp và người dân hiểu biết cơ bản về BDKH, phòng tránh thiên tai

Số TT	CHỈ TIÊU	Các hình thức phổ biến	Kết quả đạt được (%)	Tỷ lệ đạt so với chỉ tiêu (%)	Ghi chú
1	Các trường học được phổ biến kiến thức				
2	Các cơ sở đào tạo được phổ biến kiến thức				
3	cán bộ, công chức, viên chức hiểu biết cơ bản về BDKH, phòng tránh thiên tai				
4	doanh nghiệp hiểu biết cơ bản về BDKH, phòng tránh thiên tai				
5	Người dân hiểu biết cơ bản về BDKH, phòng tránh thiên tai				

2.2. Chỉ tiêu về hoàn thiện cơ chế, chính sách huy động nguồn lực, khuyến khích, thu hút các thành phần kinh tế đầu tư cho các hoạt động thích ứng với BDKH. Hoàn thành việc khoanh định vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất

Số TT	CHỈ TIÊU	Cơ quan ban hành văn bản	Kết quả đạt được	Tỷ lệ đạt so với chỉ tiêu	Ghi chú
1	Các văn bản về cơ chế, chính sách huy động nguồn lực, khuyến khích, thu hút các thành phần kinh tế đầu tư cho các hoạt động thích ứng với BDKH (Ghi rõ loại văn bản, số, ngày ban hành văn bản, trích yếu văn bản, cơ quan ban hành)				
1.1					

1.2					
...					
2.	Kết quả huy động nguồn lực				
2.1					
2.2					
...					
2	Hoàn thành việc khoanh định vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất (Ghi rõ loại văn bản, số, ngày ban hành văn bản, trích yếu văn bản, cơ quan ban hành)				
2.1					
2.2					
...					

2.3. Chi tiêu 100% hồ chứa, công trình khai thác nước, xả nước thải được cấp phép có hệ thống quan trắc, giám sát tự động, trực tuyến; thiết lập hệ thống quan trắc, giám sát tự động, trực tuyến môi trường nước và duy trì nguồn nước sông Cái đạt quy chuẩn chất lượng nước mặt loại A.

Số TT	CHỈ TIÊU	Văn bản cấp phép (Số, ngày QĐ/GP)	Hệ thống quan trắc, giám sát thủ công (nêu rõ thông số quan trắc)	Hệ thống quan trắc, giám sát tự động trực trực (nêu rõ thông số quan trắc)	Kết quả đạt được	Tỷ lệ đạt so với chỉ tiêu	Ghi chú
1	Hồ chứa thủy lợi công trình khai thác nước, xả nước thải được cấp phép có hệ thống quan trắc, giám sát tự động, trực tuyến						
1.1.							
1.2.							
...							
2	Hồ chứa thủy điện được cấp phép có hệ thống quan trắc, giám sát tự động, trực tuyến						
2.1							

2.2							
...							
3	Công trình đập dâng được cấp phép có hệ thống quan trắc, giám sát tự động, trực tuyến						
3.1.							
3.2.							
...							
4	Công trình khai thác nước dưới đất được cấp phép có hệ thống quan trắc, giám sát tự động, trực tuyến						
4.1.							
4.2.							
...							
3	Công trình xả nước thải được cấp phép có hệ thống quan trắc, giám sát tự động, trực tuyến						
3.1							
3.2							
...							
4	Thiết lập hệ thống quan trắc, giám sát tự động, trực tuyến môi trường nước	(Có hay không có)					
5	Duy trì nguồn nước sông Cái đạt quy chuẩn chất lượng nước mặt loại A.	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả quan trắc chất lượng nguồn nước sông cái năm 2022, 2023:... - Đánh giá, so sánh với năm 2021:..... 					

2.4. Từng bước hiện đại hóa hệ thống quan trắc, giám sát khí tượng thủy văn; 100% mạng lưới quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng do tỉnh đầu tư được lắp đặt thiết bị cảnh báo, quan trắc, giám sát tự động, trực tuyến.

Số	CHỈ TIÊU	Vị trí đặt công	Loại công trình,	Nội dung	Cảnh báo,	Kết quả	Tỷ lệ đạt so
----	----------	-----------------	------------------	----------	-----------	---------	--------------

TT		trình, thiết bị	thiết bị cảnh báo, quan trắc, giám sát	quan trắc	quan trắc, giám sát (thủ công/tự động)	đạt được	với chỉ tiêu
1	Các máy móc, thiết bị được đầu tư để thực hiện hiện đại hóa hệ thống quan trắc, giám sát khí tượng thủy văn (ghi rõ thiết bị đo, cảnh báo, quan trắc, giám sát tự động, trực tuyến,...)						
1.1							
1.2							
...							
2	Các trạm quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng do tỉnh đầu tư được lắp đặt thiết bị cảnh báo, quan trắc, giám sát tự động, trực tuyến						
2.1	Trạm						
2.2							
...							

2.5. Chỉ tiêu về nâng tỷ lệ che phủ rừng trên 49%; tăng tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị đạt 100%, nông thôn đạt 95%; diện tích tưới chủ động nước trên 70%.

Số TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị %	Kết quả đạt được	Tỷ lệ đạt so với chỉ tiêu	Ghi chú
1	Tỷ lệ che phủ rừng				
	Huyện Bác Ái				
	Huyện Ninh Sơn				
	Huyện Thuận Bắc				
	Huyện Ninh Hải				
	Huyện Thuận Nam				
	Huyện Ninh Phước				

	Thành phố PR-TC				
2	Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị				
	Huyện Bác Ái				
	Huyện Ninh Sơn				
	Huyện Thuận Bắc				
	Huyện Ninh Hải				
	Huyện Thuận Nam				
	Huyện Ninh Phước				
	Thành phố PR-TC				
3	tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt nông thôn				
	Huyện Bác Ái				
	Huyện Ninh Sơn				
	Huyện Thuận Bắc				
	Huyện Ninh Hải				
	Huyện Thuận Nam				
	Huyện Ninh Phước				
	Thành phố PR-TC				
4	Diện tích tưới chủ động nước				
	Huyện Bác Ái				
	Huyện Ninh Sơn				
	Huyện Thuận Bắc				

	Huyện Ninh Hải				
	Huyện Thuận Nam				
	Huyện Ninh Phước				
	Thành phố PR-TC				

2.6. Phần đầu thực hiện đạt 100% các nhiệm vụ, dự án ưu tiên theo kế hoạch; có ít nhất 01 trường/xã, phường, thị trấn được đánh giá là trường học an toàn; 65% trường học trên địa bàn tỉnh là nơi sơ tán và trú ẩn an toàn cho cộng đồng dân cư khi xảy ra thiên tai, dịch bệnh.

Số TT	CHỈ TIÊU	Đã thực hiện	Đang thực hiện	Chưa thực hiện	Tổng kinh phí thực hiện (ghi rõ nguồn)	Kết quả đạt được	Tỷ lệ đạt so với chỉ tiêu	Ghi chú
1	Nhiệm vụ, dự án ưu tiên							
1.2								
1.2								
...								
2	Có ít nhất 01 trường/xã, phường, thị trấn được đánh giá là trường học an toàn							
	Huyện Bác Ái	Ghi rõ: - Tổng số xã, phường, thị trấn của huyện/tp:..... - Tổng số xã, phường, thị trấn của huyện/tp có trường đạt trường học an toàn:.....						
	Huyện Ninh Sơn							
	Huyện Thuận Bắc							
	Huyện Ninh Hải							
	Huyện Thuận Nam							
	Huyện Ninh Phước							

	Thành phố PR-TC				
3	Trường học trên địa bàn tỉnh là nơi sơ tán và trú ẩn an toàn cho cộng đồng dân cư khi xảy ra thiên tai, dịch bệnh				
	Huyện Bác Ái	Ghi rõ: - Tổng số trường học trên địa bàn huyện/tp:..... - Tổng số trường trên địa bàn huyện, thành phố đạt là nơi sơ tán và trú ẩn an toàn:.....			
	Huyện Ninh Sơn				
	Huyện Thuận Bắc				
	Huyện Ninh Hải				
	Huyện Thuận Nam				
	Huyện Ninh Phước				
	Thành phố PR-TC				

2.7. Hàng năm, triển khai thực hiện ít nhất từ 1 đến 2 đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học – công nghệ về thích ứng với BĐKH, phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai.

Số TT	Đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học – công nghệ về thích ứng với BĐKH, phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai	Năm thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tiến độ thực hiện (hoàn thành, đang thực hiện)	Kết quả đạt được	Tỷ lệ đạt so với chỉ tiêu	Ghi chú
1							
2							

...							
-----	--	--	--	--	--	--	--

2.8. Xây dựng ít nhất 01 mô hình thích ứng BĐKH dựa vào hệ sinh thái và cộng đồng/địa bàn huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh.

Số TT	Mô hình thích ứng BĐKH dựa vào hệ sinh thái và cộng đồng	Địa bàn, đơn vị đang thực hiện	Quy mô, nhân rộng	Hiệu quả mô hình	Kết quả đạt được	Tỷ lệ đạt so với chỉ tiêu	Ghi chú
1	Huyện Bác Ái						
1.1	Mô hình						
...							
2	Huyện Ninh Sơn						
...							
3	Huyện Thuận Bắc						
...							
4	Huyện Ninh Hải						
...							
5	Huyện Thuận Nam						
...							
6	Huyện Ninh Phước						
...							
7	Thành phố PR-TC						
...							

2.9. 100% cơ sở phát thải khí nhà kính thuộc danh mục phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính (do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt) phải xây dựng, thực hiện kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính hàng năm theo quy định.

Số TT	Cơ sở phát thải khí nhà kính thuộc danh mục phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính	Kế hoạch đã xây dựng (Số, ngày)	Kết quả triển khai nội dung về giảm nhẹ khí nhà kính theo Kế hoạch	Kết quả đạt được	Tỷ lệ đạt so với chỉ tiêu	Ghi chú

2.10. Đưa chỉ tiêu sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; chỉ tiêu giảm nhẹ phát thải và hấp thu khí nhà kính vào nhóm chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của tỉnh.

Số TT	Các chỉ tiêu về BDKH đưa vào chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của tỉnh	Chưa thực hiện đưa vào	Đã thực hiện đưa vào (ghi rõ chỉ tiêu phải đạt)	Kết quả đạt được	Tỷ lệ đạt so với chỉ tiêu	Ghi chú
1	Chỉ tiêu sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả					
2	Chỉ tiêu giảm nhẹ phát thải và hấp thu khí nhà kính					